TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIÊN KHÁNH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Tín
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Cảnh
Bà Thái Thị Đang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 148/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Phan Thị Ngọc T**, sinh năm: 198x
Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D.K, Khánh Hòa; có mặt.
- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm: 198x
Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D.K, Khánh Hòa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh H tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau từ năm 2002, đến năm 2006 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Diên Khánh. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng từ năm 2015 ông H thay đổi tính tình, không lo làm ăn, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, thường xuyên ăn nhậu qua đêm không về nhà; không quan tâm chăm sóc vợ con; mỗi lần bà khuyên can thì ông H không nghe mà còn chửi mắng bà; cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Vào năm 2016 và năm 2018, bà đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H nhưng vì ông H năn nỉ, hứa sẽ thay đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng gia đình hạnh

phúc nên bà đã rút đơn khởi kiện, nhưng sau đó ông H vẫn không có thay đổi. Hiện tại, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra liên tục làm cho không khí gia đình luôn căng thẳng; vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ; không còn tình cảm gì với nhau nên bà kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Nguyễn Huy Tr, sinh ngày 11/01/200x và Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 02/01/200x. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Hiện tại, bà buôn bán hàng trái cây có thu nhập ổn định, bình quân mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng, đủ lo cho cuộc sống của bản thân và các con nên không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Về thời gian ông và bà T chung sống với nhau cũng như thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Trong cuộc sống vợ chồng thỉnh thoảng có xảy ra kình cãi do bất đồng quan điểm sống. Năm 2016 và năm 2018, bà T có nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ. Trong thời gian qua, ông đã cố gắng sửa chữa bản thân; tuy nhiên vì công việc làm ăn nên ông phải ăn nhậu với bạn bè, không có nhiều thời gian quan tâm, chăm sóc vợ con. Mặc dù vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng và hiện ông vẫn còn tình cảm với bà T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung đúng như nguyên đơn trình bày. Quá trình giải quyết vụ án, ông H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con nếu Tòa án xử ly hôn; nhưng tại phiên tòa, ông đồng ý giao 02 con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên ông không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của đương sự tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận

yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Ngọc T đối với ông Nguyễn Thanh H; giao 02 con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, bà T và ông H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

[1.1]. Ngày 22/3/2006, bà Phan Thị Ngọc T và ông Nguyễn Thanh H đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Diên Khánh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 10/2006; đây là hôn nhân hợp pháp.

[1.2]. Bà T xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Thực tế, bà T đã 02 lần làm đơn khởi kiện ly hôn đối với ông H nhưng vì ông H hứa sẽ thay đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà T đã rút đơn khởi kiện. Nhưng sau đó, ông H không thực hiện lời hứa nên bà T không còn niềm tin đối với ông H. Hiện tại, tuy sống chung nhà nhưng mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình; tình cảm vợ chồng không còn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên, thuyết phục nhưng bà T vẫn kiên quyết yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn ông H. Tại phiên tòa, ông H đưa ra lý do vì công việc nên phải ăn nhậu với bạn bè, không có thời gian quan tâm, chăm sóc vợ con là không thuyết phục. Ông H trình bày vẫn còn tình cảm với bà T nhưng ngoài lời nói ông không có hành động cụ thể để chứng minh việc này, cũng như không có biểu hiện thiết tha mong muốn hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, tạo mối quan hệ hôn nhân hạnh phúc. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[2]. Về con chung: Bà T và ông H đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Huy Tr, sinh ngày 11/01/200x và Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 02/01/200x. Khi ly hôn, bà T và ông H đều thống nhất giao hai con chung cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông H không cấp dưỡng nuôi con. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự và không trái pháp luật nên ghi nhận.

[3]. Về tài sản chung: Bà T, ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4]. Về nợ chung: Bà T, ông H xác định không có nợ chung nên không giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Phan Thị Ngọc T được ly hôn ông Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Phan Thị Ngọc T và ông Nguyễn Thanh H.

2.1. Giao 02 con chung là Nguyễn Huy Tr, sinh ngày: 11/01/200x và Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày: 02/01/200x cho bà Phan Thị Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Thanh H không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Nguyễn Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Quá trình nuôi con chung, bà Phan Thị Ngọc T, ông Nguyễn Thanh H có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Phan Thị Ngọc T và ông Nguyễn Thanh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà Phan Thị Ngọc T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Phan Thị Ngọc T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0001595 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh. Bà Phan Thị Ngọc T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Ngọc T, ông Nguyễn Thanh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- UBND xã D, huyện Diên Khánh (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Nguyễn Trung Tín